SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM Y TẾ HỒNG BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142 /QĐ-TTYT

Hồng Bàng, ngày 01 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Gói thầu Mua sắm Hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế năm 2026-2028 (18 tháng) tại Trung tâm Y tế Hồng Bàng

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HỒNG BÀNG

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 về quản lý trang thiết bị y tế; số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống đấu thầu mạng quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số: 123/QĐ-TTYT ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc TTYT Hồng Bàng V/v thành lập Tổ mua sắm Thuốc, Trang thiết bị, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm;

Căn cứ công văn số: 5173/SYT-NVD ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Sở Y tế Hải Phòng V/v mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm theo kết quả đấu thầu tập trung cấp địa phương;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng khoa học ngày 04 tháng 09 năm 2026 của Trung tâm Y tế Hồng Bàng V/v xây dựng nhu cầu mua sắm Hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế năm 2026-2028 ;

Căn cứ Yêu cầu báo giá số : 517/TTYT-KD ngày 16/09/2026 V/v chào giá Hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế năm 2026-2028 được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Bảng báo giá của Công ty TNHH Công nghệ B2K được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Dự toán kinh phí mua sắm Hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế năm 2026-2028 ngày 30/09/2026 của Trung tâm Y tế Hồng Bàng;

Theo đề nghị của Tổ mua sắm tại tờ trình số: 37/TTr-TMS ngày 01 tháng 10 năm 2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Gói thầu Mua sắm Hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế năm 2026-2028 (18 tháng) tại Trung tâm Y tế Hồng Bàng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Gói thầu Mua sắm Hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế năm 2026-2028 (18 tháng) tại Trung tâm Y tế Hồng Bàng, cụ thể như sau:

Stt	Tên chủ đầu tư[2]	Tên gói thầu[3]		Giá gói thầu[4]	Nguồn vốn[5]	Hình thức lựa chọn nhà thầu[6]	Phương thức lựa chọn nhà thầu[7]	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu[8]	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu[9]	Loại hợp đồng[10]	Thời gian thực hiện gói thầu[11]	Tùy chọn mua thêm[12]
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
1	Trung tâm y tế Hồng Bàng	Mua sắm Hóa chất xét nghiệm, sinh phẩ	Lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa theo đúng yêu cầu	1.925.222.866	Nguồn thu từ dịch vụ khám, chữa bệnh; nguồn thu do	Chào giá trực tuyến rút gọn qua mạng	Không có	60 ngày	Tháng 10 năm 2026	Trọn gói theo từng phần	18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không có

		m y tế năm 2026 - 2028 (18 thán g) tại Trun g tâm Y tế Hồn g Bàn g	về giá, về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật, vận chuyển		cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán và các nguồn thu hợp pháp khác.							
	Tổng giá gói thầu *[kết chuyển sang Bảng số 5]*			Bằng chữ: Một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu hai trăm hai mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng./.								

(Có phụ lục danh mục hàng hóa chi tiết kèm theo).

Ghi chú: Danh mục hàng hóa chia làm 5 phần, các đơn vị quan tâm có thể chào giá theo trọn 1 phần hoặc nhiều phần.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ mua sắm, Phòng Tài chính kế toán, khoa Dược – VTYT- TTB, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Người có thẩm quyền;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM Y TẾ HỒNG BÀNG

Nguyễn Thị Thanh

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM, SINH PHẨM Y TẾ DỰ KIẾN ĐẤU THẦU TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HỒNG BÀNG

(Kèm theo Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu số: /QĐ-TTYT ngày 01/10/2026 của Trung tâm Y tế Hồng Bàng)

STT	Tên hàng hóa	Hãng, nước sản xuất hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm 2026-2028 (18 tháng)	Đặc tính kỹ thuật	Đơn giá gồm VAT, chi phí vận chuyển,….	Thành tiền
Phần I.	**Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa**						
1	Chất hiệu chuẩn đa giá trị cho xét nghiệm sinh hóa		Lọ	2	Thành phần: Huyết thanh đông khô Quy cách đóng gói: ≥3ml/lọ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1.312.500	2.625.000
2	Nước rửa máy sinh hóa		Chai	12	Thành phần: ≥ 5% KOH Quy cách đóng gói: ≥ 2 lít/chai. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2.200.000	26.400.000
3	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol		Hộp	43	Thành phần: CHE ≥ 100 U/l; CHOD ≥ 100 U/l; POD ≥ 1000 U/l 4-AP ≥ 0.2 mmol/l; Phenol ≥ 15 mmol/l Giới hạn phát hiện: ≤ 0.0063g/l Độ tuyến tính: ≥ 5 g/l Quy cách đóng gói: ≥ 400ml (4x100ml) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2.100.000	90.300.000
4	Hóa chất xét nghiệm Creatinine		Hộp	39	Thành phần: ≥ 12.7 mmol/l picric acid ≥ 8.4 mmol/l sodium lauryl sulphate solution. ≥ 970 mmol/l sodium hydroxide solution. Độ tuyến tính ≤ 90 mg/l Giới hạn phát hiện ≥ 4.5 mg/l - Quy cách đóng gói: ≥ 250ml (2x100ml + 2x25ml). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	950.250	37.059.750
5	Hóa chất xét nghiệm Glucose		Hộp	119	Thành phần: GOD (microbial) ≥ 10 KU/l POD (horse-radish) ≥ 1 KU/l 4-AP ≥ 0.5 mmol Hydroxybenzoate ≥ 12 mmol Quy cách đóng gói: ≥ 160ml (4x40ml) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	829.920	98.760.480
6	Hóa chất xét nghiệm Urea		Hộp	20	Thành phần: 2-Oxoglutarate ≥ 7.5 mmol/l Urease (Jack bean) ≥ 5,000 U/l GLDH (microbial) ≥ 800 U/l NADH ≥ 0.28 mmol/l - Quy cách đóng gói: ≥ 500 ml (4x100ml + 4x25ml). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3.349.500	66.990.000

7	Hóa chất xét nghiệm Acid Uric		Hộp	8	Thành phần: A. Reagent A: 3,5-dichlorohydroxybenzene sulfonic acid, sodium salt (DHS) ≥ 2.0 mmol/l B. Reagent B: UOD >200 U/l POD >1000 U/l 4-AP ≥ 0.10 mmol/l Potassium ferrocyanide ≥ 6 umol/l Quy cách đóng gói: ≥ 500ml (4x100ml + 1x100ml). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	2.394.000	19.152.000
8	Hóa chất xét nghiệm AST/GOT		Hộp	76	Thành phần: L-Aspartate ≥ 200 mmol/l NADH ≥ 0.18 mmol/l MDH ≥ 400 U/l LDH ≥ 600 U/l 2-Oxoglutarate ≥ 12 mmol/l Quy cách đóng gói: ≥ 200ml (4x40ml + 1x40ml). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1.050.000	79.800.000
9	Hóa chất xét nghiệm GPT/ALT		Hộp	78	Thành phần: L-Alanine ≥ 500 mmol/l NADH ≥ 0.18 mmol/l LDH ≥ 1.5 U/l 2-Oxoglutarate ≥ 15 mmol/l. - Quy cách đóng gói: ≥ 200ml (4x40ml + 1x40ml). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1.050.000	81.900.000
10	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides		Hộp	41	Thành phần: Chlorophenol ≥ 2 mmol/l Lipoprotein lipase ≥ 800 U/l GK ≥ 500 U/l GPO ≥ 1500 U/l POD ≥ 900 U/l ATP ≥ 2 mol/l 4-AP ≥ 0.4 mmol/l Quy cách đóng gói: ≥ 400 mL (4 x 100 mL). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	4.300.000	176.300.000
11	Hóa chất xét nghiệm HDL - Cholesterol		Hộp	121	Thành phần: A. Reagent A: Cholesterol oxidase solution (< 3000 U/l) Peoxydase (< 5000 U/l) N-ethyl-N-(2-hydroxy-3 sulfopropyl)- 3-toluidine disodium (TOOS) (< 1 mM) B. Reagent B: Detergent solution (< 2%) Cholesterol esterase (< 3000 U/l) 4-aminoantipyrine (4-AAP) (< 1 mM) Quy cách đóng gói: ≥ 72mL (2x27ml + 2x9mL) + Calibrator. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3.099.600	375.051.600
12	Nước rửa enzyme cho máy sinh hóa		Hộp	2	Thành phần: Catalyzer: pouch containing pepsin ≥ 8g/l Solution: ≥ 0,075 N hydrochloric acid Surfactant. Quy cách đóng gói: ≥ (3 x 125 ml)/hộp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2.500.000	5.000.000

13	Bộ kiểm chuẩn sinh hóa		Bộ	37	Thành phần: Mức kiểm soát 1: lọ ≥ 5 ml đồng nhất và huyết thanh đông khô với nồng độ bình thường hoặc ngưỡng bình thường/bệnh lý của chất chuyển hóa và enzym. Mức kiểm soát 2: lọ ≥ 5 ml đồng nhất và huyết thanh đông khô với nồng độ bệnh lý hoặc ngưỡng bình thường/bệnh lý của các chất chuyển hóa và enzym. Quy cách đóng gói: Bộ ≥ (1x5ml mức 1 + 1x5ml mức 2) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2.278.500	84.304.500
Phần II.	**Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu**						-
1	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn âm tính cho máy xét nghiệm nước tiểu		Hộp	4	Thành phần chứa: Kali photphat một bazơ và hai bazơ; natri clorua; urê	2.478.000	9.912.000
2	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn dương tính cho máy xét nghiệm nước tiểu		Hộp	4	Thành phần chứa: Glucose; bilirubin kết tinh; natri methylacetoacetate; hemoglobin bò; albumin huyết thanh bò; muối natri 5-(4-sulfobutoxy)-2-metylindole; natri nitrite; protease (nấm)	2.478.000	9.912.000
Phần III.	**Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học**						-
1	Dung dịch kiềm rửa máy huyết học		Lọ	4	Thành phần: Sodium hypochlorite ≥ 5% Bảo quản ở 1 - 30oC, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày. Lọ ≥ 50 mL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3.300.000	13.200.000
2	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học		Thùng	4	Thành phần: Sodium Chlorride ≥ 6.38 g/l, Boric Acid ≥ 1.0 g/l, Sodium Tetraborate ≥ 0.2 g/l, EDTA-2K ≥ 0.2 g/l Bảo quản: ở 1 - 30oC Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày. Thùng ≥ 20 L. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3.365.384	13.461.536
3	Dung dịch ly giải hồng cầu cho máy huyết học		Chai	4	Thành phần: Organic quaternary ammonium salt ≥ 8.5g/L và sodium chloride ≥ 0.6g/L Bảo quản: 2 - 35oC Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày. Chai ≥ 500 mL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	2.110.500	8.442.000
4	Hoá chất rửa thường quy dùng cho máy huyết học	G7	Hộp	14	Thành phần: Organic buffer < 0,5 % Sodium salts < 2,0 % Proteolytic enzyme < 0,5% Preservative < 0,05 % Độ pH: (7.20 ± 0.10) Điện trở suất: (70.0 ± 6.0) Ohm.cm Áp suất thẩm thấu: (320 ± 20) mOsmol/kg đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485	2.000.000	28.000.000

5	Hoá chất pha loãng dùng cho máy huyết học	G7	Hộp	8	Thành phần: Organic buffer < 0,1 % Sodium salts < 1,0 % Natrium azide < 0,05 % Độ pH: (6.95 ± 0.10) Điện trở suất: (58.5 ± 6.0) Ohm.cm Áp suất thẩm thấu: (330 ± 10) mOsmol/kg đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 Đóng gói ≥ 20 lít/ hộp	2.600.000	20.800.000
6	Hoá chất ly giải hồng cầu, giải phóng HGB cho máy huyết học	G7	Hộp	8	Thành phần: Ammonium salts < 3,0 % Potassium cyanide < 0,05 % Độ pH: (9.30 ± 0.50) Điện trở suất: (244.0 ± 6.0) Ohm.cm Áp suất thẩm thấu: (60 ± 10) mOsmol/kg, Chai ≥ 1 Lít đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485	2.750.000	22.000.000
7	Nội kiểm máy huyết học		Hộp	12	Dùng để kiểm chuẩn máy huyết học 3 thành phần Bạch cầu. Hộp ≥ (3 x 03 ml)	6.000.000	72.000.000
Phần IV.	**Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm HbA1C**						-
1	Vật liệu kiểm soát cho máy xét nghiệm HbA1C		Hộp	6	- Normal A1c Control: + Thành phần chính: máu người đã được sàng lọc loại bỏ kháng nguyên viêm gan B HIV-1, HIV-2, kháng thể viêm gan C và giang mai. + Thành phần phụ: Potassium Cyanide (KCN) Abnormal A1c Control: - Thành phần chính: máu người đã được sàng lọc loại bỏ kháng nguyên viêm gan B, HIV-1, HIV-2, kháng thể viêm gan C và giang mai. + Thành phần phụ: Potassium Cyanide (KCN) - Hộp ≥ 4 lọ: + Mức 1: ≥ 2 lọ x 0,25ml + Mức 2: ≥ 2 lọ x 0,25ml -Nước cất I6: ≥ 5 x 0,4ml Tương thích trên máy Quo-Lab A1c.M4	4.250.000	25.500.000
2	Thuốc thử định lượng cho máy xét nghiệm HbA1C		Test	6850	Định lượng HbA1c trong máu người. Thành phần: Ammonium Chloride: ≥ 0.54%, Sodium, Deoxycholate Monohydrate: ≥ 0.40%, Sodium Azide: Appropriate amount, Conjugate: Boronate conjugate: ≥ 11µg. Tương thích trên máy Quo-Lab A1c. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	68.000	465.800.000
Phần V.	**Sinh phẩm Y tế**						-

1	Test phát hiện Dengue NS1		Test	50	Phát hiện kháng nguyên NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Thành phần: - Vùng cộng hợp: cộng hợp kháng thể kháng kháng nguyên Dengue NS1 ≥ 0,24ug gắn với hạt vàng, cộng hợp kháng thể kiểm chứng ≥ 0,16ug gắn với hạt vàng - Vạch kết quả: kháng thể kháng kháng nguyên Dengue NS1 ≥ 0,528ug - Vạch chứng: kháng thể kiểm chứng ≥ 0,44ug Lượng mẫu sử dụng: ≥ 10 µl Độ nhạy tương quan: ≥99,1%. Độ đặc hiệu tương quan: ≥99,5% Độ chính xác tương quan: ≥99,4% Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99%	38.000	1.900.000
2	Test phát hiện kháng thể kháng HCV		Test	1600	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần ngườiVùng cộng hợp: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp ≥ 2 0.073 µg. Vạch kết quả(T): Kháng nguyên HCV tái tổ hợp ≥ 1 0.31 µg. Vạch chứng(C): Kháng thể dê kháng chuột IgG ≥ 0.41 µg Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HCV EIA: - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: ≥99.4% - Độ chính xác tương quan: ≥99.6% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99%	14.700	23.520.000
3	Test phát hiện kháng nguyên HBsAg		Test	900	Thành phần: - Vùng cộng hợp: Kháng thể kháng HBsAg ≥ 0,35ug, kháng thể IgG thỏ ≥ 0,233ug - Vạch kết quả: Kháng thể kháng HBsAg ≥ 0,514ug - Vạch chứng: Kháng thể IgG dê kháng thỏ ≥ 0,428ug Ngưỡng phát hiện (LOD): ≥ 0,92ng/mL - Độ nhạy tương quan: : 100% - Độ đặc hiệu tương quan: ≥99.7% - Độ chính xác tương quan: ≥ 99,8%	7.500	6.750.000
4	Test phát hiện cúm tuýp A và tuýp B		Test	50	Hiệu quả chẩn đoán Cúm A: - Độ nhạy tương quan: 100%. - Độ đặc hiệu tương quan: ≥99,22% - Độ chính xác tương quan: ≥99,38% Hiệu quả chẩn đoán Cúm B: - Độ nhạy tương quan: 100%. - Độ đặc hiệu tương quan: ≥99,61% - Độ chính xác tương quan: ≥99,67% Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Que mẫu chứng âm và que mẫu chứng dương được cấp kèm theo mỗi hộp xét nghiệm để kiểm soát chất lượng sản phẩm Không phản ứng chéo với: coronavirus-229E, coronavirus-NL63, coronavirus-OC43, coronavirus-HKU1, parainfluenza, Enterovirus, Streptococcus pneumoniae, Mycoplasma pneumoniae, MERS-coronavirus, SARS-coronavirus, virus adenovirus và virus hợp bào hô hấp ở người. Đọc kết quả từ phút thứ 15 - 20	58.940	2.947.000

5	Test phát hiện Dengue IgG/IgM		Test	60	Thành phần: - Vùng cộng hợp: kháng thể Dengue liên hợp với hạt ≥ 0,102 ug, kháng thể kiểm chứng liên hợp với hạt ≥ 0,078 ug - Vạch kết quả(M): kháng thể kháng IgM người ≥ 0,116ug - Vạch kết quả(G): kháng thể kháng IgG người ≥ 0,077 ug - Vạch chứng: kháng thể kiểm chứng ≥ 0,77ug Lượng mẫu sử dụng: ≥ 10 µl - Đối với IgM: Độ nhạy tương quan: ≥96.7% Độ đặc hiệu tương quan: ≥98.6% Độ chính xác tương quan: ≥97.9% Đối với IgG: Độ nhạy tương quan: ≥95.8% Độ đặc hiệu tương quan: ≥98.6% Độ chính xác tương quan: ≥97.6%	35.000	2.100.000
6	Test phát hiện kháng thể kháng HIV		Test	840	Thành phần: - Màng: kháng nguyên HIV tái tổ hợp bao gồm gp41, gp36 và kháng nguyên tái tổ hợp HIV-O. - Lớp cộng hợp: hạt vàng liên hợp với kháng nguyên tái tổ hợp gp41, gp36 và HIV-O - Vạch kết quả: các kháng nguyên HIV-1 ≥ 0,477ug, HIV-2 ≥ 0,318ug, HIV-O ≥ 0,080ug. - Vạch chứng: kháng thể dê kháng thỏ IgG ≥ 0,398ug Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HIV EIA: - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: ≥99,3% - Độ chính xác tương quan: ≥99,5% Đọc kết quả ở phút từ thứ 10 đến thứ 15	19.000	15.960.000
7	Test phát hiện định tính Morphine		Test	5250	Hoạt chất chính: Kháng thể kháng MOP, cộng hợp MOP-BSA Ngưỡng phát hiện (cut off) ≥ 300 ng/ml. - Độ nhạy tương quan 100%, - Độ đặc hiệu tương quan 100%, - Độ chính xác tương quan 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp 100% Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 µg/mL: 4-Acetamidophenol, N-Acetylprocainamide, Ampicillin, Aspartame. Đọc kết quả tại phút thứ 5 đến phút thứ 7	7.500	39.375.000

1.925.222.866